

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 42

N: 17  
CÔNG  
CỔ P  
HƯƠNG  
KIÊN  
G/Á

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG  
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Mại Kiên Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**1. Thông tin chung**

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Du Lịch - Thương Mại Kiên Giang theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 03 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại : 0297 3 862 113
- Fax : 0297 3 866 080

Hoạt động chính của Công ty như sau: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ, nhớt; Xây xát thóc lúa, đánh bóng gạo; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu, lương thực, thực phẩm, cá và thủy sản. Chế biến và đóng hộp thủy sản; Môi giới thương mại; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản,...

**2. Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Tung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Cảnh	Phó chủ tịch
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Duy An	Thành viên
Ông Võ Thái Sơn	Thành viên
Ông Dương Ngọc Tuyền	Thành viên
Bà Võ Thị Hương Giang	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Bạch Dương	Trưởng ban
Bà Lý Thu Diễm	Kiểm soát viên
Ông Trần Hữu Nghị	Kiểm soát viên
Ông Võ Chí Công	Kiểm soát viên
Bà Hoàng Thị Xuân Hương	Kiểm soát viên (Bỏ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Khoa	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 22 Tháng 04 năm 2020)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG  
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Lành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Tuyền	Phó Tổng Giám đốc

**Đại diện pháp luật**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Tung	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hoàng	Tổng Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **7. Giả định hoạt động liên tục**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 58.485.001.057 VND do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

### **8. Công bố các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**PHẠM VĂN HOÀNG**

**Tổng Giám đốc**

Kiên Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2021



Số: 145/2021/BCKT-HCM.00878

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Mại Kiên Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2021, từ trang 6 đến trang 42 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, ở đây chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 9.4 của thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 58.485.001.057 VND do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

**NGUYỄN THỊ THANH MINH**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>704.982.167.460</b>	<b>715.130.291.242</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>83.455.288.551</b>	<b>87.996.900.045</b>
Tiền	111		83.455.288.551	87.996.900.045
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>160.411.368.586</b>	<b>202.340.183.861</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	120.359.480.074	138.665.257.766
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	28.036.119.827	41.828.760.765
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	15.053.425.311	24.587.661.969
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.076.403.040)	(2.780.839.420)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		38.746.414	39.342.781
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>428.365.526.119</b>	<b>406.316.185.876</b>
Hàng tồn kho	141		428.365.526.119	406.316.185.876
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.749.984.204</b>	<b>18.477.021.460</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	2.197.584.299	2.017.853.984
Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.552.399.905	16.459.167.476
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

0523  
TY  
AN  
MẠI  
ANG  
III KẾ

30-  
CỔ  
KIÊN  
GIANG  
C



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>478.926.780.766</b>	<b>484.081.444.649</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>328.701.778.086</b>	<b>324.297.109.864</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	213.319.660.637	224.133.942.777
Nguyên giá	222		513.100.554.182	500.994.911.031
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(299.780.893.545)	(276.860.968.254)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	115.382.117.449	100.163.167.087
Nguyên giá	228		119.279.339.584	102.901.104.405
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.897.222.135)	(2.737.937.318)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>24.175.631.525</b>	<b>34.944.997.467</b>
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	24.175.631.525	34.944.997.467
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.11	<b>106.582.708.047</b>	<b>114.560.472.759</b>
Đầu tư vào công ty con	251		46.037.000.000	46.840.645.200
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		76.882.451.690	84.992.861.690
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.673.949.011	8.429.785.011
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(28.010.692.654)	(25.702.819.142)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.466.663.108</b>	<b>10.278.864.559</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	19.466.663.108	10.278.864.559
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.183.908.948.226</b>	<b>1.199.211.735.891</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>771.467.168.517</b>	<b>780.825.775.949</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>763.467.168.517</b>	<b>766.134.875.949</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	55.436.897.966	127.689.134.767
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	35.689.916.606	44.067.974.159
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.686.280.904	671.464.994
Phải trả người lao động	314		18.543.232.771	10.638.879.022
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.611.508.629	1.014.064.931
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	10.910.213.527	13.769.486.204
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	638.357.304.227	567.959.330.751
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	231.813.887	324.541.121
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>14.690.900.000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	8.000.000.000	14.690.900.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

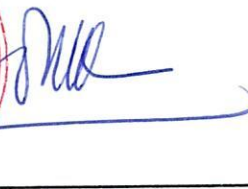
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>NGUỒN VỐN</b>				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		<b>412.441.779.709</b>	<b>418.385.959.942</b>
Vốn chủ sở hữu	<b>410</b>	5.19	<b>412.441.779.709</b>	<b>418.385.959.942</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		364.738.330.000	364.738.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		364.738.330.000	364.738.330.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.495.026.761	18.133.919.666
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.208.422.948	35.513.710.276
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.606.683.561	3.027.367.268
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.601.739.387	32.486.343.008
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.183.908.948.226</b>	<b>1.199.211.735.891</b>



**HUỖNH KIM OANH**  
Người lập biểu



**LÊ THỊ THUỖ**  
Kế toán trưởng

**PHẠM VĂN HOÀNG**  
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1.1</b>	<b>5.383.556.795.882</b>	<b>6.236.480.358.098</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1.2	153.910.547	833.493.389
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>5.383.402.885.335</b>	<b>6.235.646.864.709</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.2</b>	<b>5.148.700.985.180</b>	<b>6.018.480.283.760</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>234.701.900.155</b>	<b>217.166.580.949</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	24.664.365.246	23.209.729.775
Chi phí tài chính	22	6.4	39.402.085.678	31.363.881.149
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>22.382.456.522</i>	<i>22.665.667.123</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	141.407.133.154	142.634.170.263
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	40.939.949.601	34.260.807.817
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>37.617.096.968</b>	<b>32.117.451.495</b>
Thu nhập khác	31	6.7	1.339.004.616	1.029.863.894
Chi phí khác	32	6.8	1.470.033.571	660.972.381
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(131.028.955)</b>	<b>368.891.513</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>37.486.068.013</b>	<b>32.486.343.008</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		884.328.626	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>36.601.739.387</b>	<b>32.486.343.008</b>

HUỖNH KIM OANH  
Người lập biểu

LÊ THỊ THỦY  
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN HOÀNG  
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		37.486.068.013	32.486.343.008
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		24.283.532.272	25.104.733.067
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		2.603.437.132	320.412.170
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		631.867.193	292.131.180
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.405.237.879)	(13.730.946.154)
Chi phí lãi vay	06		22.382.456.522	22.665.667.123
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>85.982.123.253</b>	<b>67.138.340.394</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.374.760.533	1.773.151.915
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.049.340.243)	38.216.223.550
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(86.333.494.818)	11.732.961.408
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.367.528.864)	(879.246.186)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(22.382.456.522)	(22.665.667.123)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.474.489.336)	(12.671.812.979)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(34.250.425.997)</b>	<b>82.643.950.979</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(18.012.325.902)	(6.690.494.382)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	4.090.909
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		4.866.246.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.498.729.229	13.731.644.889
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.647.350.673)</b>	<b>7.045.241.416</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	3.818.052.160.235	4.996.399.809.028
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(3.754.811.695.259)	(5.053.412.185.314)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.884.299.800)	(36.657.566.491)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<b>41.356.165.176</b>	<b>(93.669.942.777)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		<b>(4.541.611.494)</b>	<b>(3.980.750.382)</b>
Tiền và tương đương tiền cuối năm	60		<b>87.996.900.045</b>	<b>91.977.679.847</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(29.420)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>83.455.288.551</b>	<b>87.996.900.045</b>

  
HUỖNH KIM OANH  
Người lập biểu

  
LÊ THỊ THỦY  
Kế toán trưởng



  
PHẠM VĂN HOÀNG  
Tổng Giám đốc  
Kiên Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương Mại Kiên Giang (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Du Lịch - Thương Mại Kiên Giang (công ty 100% vốn Nhà Nước) theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 03 tháng 08 năm 2017.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là chế biến, thương mại và dịch vụ

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty như sau: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ, nhớt; Xay sát thóc lúa, đánh bóng gạo; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu, lương thực, thực phẩm, cá và thủy sản. Chế biến và đóng hộp thủy sản; Môi giới thương mại; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản,...

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 06 chi nhánh, một công ty con và ba công ty liên kết

##### Các chi nhánh trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Kiên Giang	Số 499C, đường Nguyễn Trung Trực, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Xí nghiệp chế biến gạo Xuất khẩu Giồng Riềng	Tổ 2, ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
- Xí nghiệp chế biến gạo Xuất khẩu Tân Hiệp	Tổ 8, ấp Tân Thạnh, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc	Tổ 2, Khu phố 1 đường Phan Đình Phùng, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
- Nhà máy Thực phẩm đóng hộp KTC	Khu Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
- Chi nhánh Công ty Cổ phần thương mại Kiên Giang tại TP Hồ Chí Minh	Số 15 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Kiên Giang	Lô D, số 3-4 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh thương mại, dịch vụ	98,03%	98,03%

**Công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Đóng Hộp Kiên Giang	Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, xuất khẩu thủy sản đóng hộp	38,08%	38,08%
Công ty Cổ phần Sách Và Thiết Bị Trường Học	Lô E6, số 30-31-32 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh sách và văn phòng phẩm	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Số 30 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh xăng dầu	49,00%	49,00%

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 480 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 480 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của
- Ngân hàng BIDV (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng BIDV và Vietcombank (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh,

liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

#### **Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc thiết bị	15 – 20
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

#### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 28 năm đến 40 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

##### ***Phần mềm máy vi tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

#### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm.

#### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.17 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên đối tượng</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Đóng Hộp Kiên Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học	Công ty liên kết
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Công ty liên kết
Công ty Xăng Dầu Khu Vực II - TNHH MTV	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Tây Nam Bộ	Cổ đông lớn
Quý Đầu Tư Phát Triển Kiên Giang	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sài Gòn Phú Quốc	Công ty là cổ đông lớn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG  
 Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	427.088.004	2.334.773.354
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn + VND	35.709.409.086	64.265.138.880
+ USD	47.318.791.461	21.396.987.811
	<b>83.455.288.551</b>	<b>87.996.900.045</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn + USD	2.056.852,07	47.318.791.461

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Zhejiang Grain Group Co.ltd	-	18.266.325.000
Cereal Investments Company (C.I.C) S.A	-	19.789.284.900
Lucky buy & Sell	14.368.295.500	-
Otto Franck Import	16.556.640.711	5.258.361.582
Các khách hàng khác	89.434.543.863	95.351.286.284
	<b>120.359.480.074</b>	<b>138.665.257.766</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Trả trước bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Kiên Giang	1.945.600.000	2.060.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH Xây Xát Bảo Huy	8.350.000.000	-
Công ty TNHH Khánh Tâm	297.496.665	6.537.961.225
Ông Phạm Quốc Việt	-	8.427.185.374
Các nhà cung cấp khác	17.443.023.162	24.803.614.166
	<b>28.036.119.827</b>	<b>41.828.760.765</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Kiên Giang – chi hộ và khoản khác	10.433.943.339	-	10.603.079.917	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang - Phải thu cổ tức	-	-	2.869.731.100	-
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang - Phải thu cổ tức	-	-	2.940.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</b>				
Phải thu về cổ phần hóa	916.283.318	-	2.111.816.235	-
Ông Nguyễn Hoàng Sơn - tạm ứng mua hàng	1.600.000.000	-	2.691.429.370	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.103.198.654	-	3.371.605.347	-
	<b>15.053.425.311</b>	<b>-</b>	<b>24.587.661.969</b>	<b>-</b>

**5.5 Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>			
Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi	Trên 3 năm	2.650.000.000	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	130.839.420	-
		<b>2.780.839.420</b>	<b>-</b>
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>			
Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi	Trên 3 năm	2.650.000.000	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	380.609.420	-
		<b>3.030.609.420</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ trả trước người bán VND	Nợ phải thu khách hàng VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	-	(2.780.839.420)	(2.780.839.420)
Trích dự phòng bổ sung	(2.650.000.000)	-	(2.650.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	2.354.436.380	2.354.436.380
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>(2.650.000.000)</b>	<b>(426.403.040)</b>	<b>(3.076.403.040)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	23.264.863.875	-	12.931.248.542	-
Nguyên vật liệu	41.196.555.162	-	56.194.090.120	-
Công cụ, dụng cụ	116.309.000	-	162.566.300	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	273.832.583.230	-	241.337.305.823	-
Thành phẩm	26.130.513.553	-	37.095.704.837	-
Hàng hóa	27.790.985.836	-	43.757.768.969	-
Hàng gửi đi bán	36.033.715.463	-	14.837.501.285	-
	<b>428.365.526.119</b>	<b>-</b>	<b>406.316.185.876</b>	<b>-</b>

### 5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

#### 5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	38.059.411	41.290.583
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	973.398.500	275.100.735
Chi phí khác chờ phân bổ	1.186.126.388	1.701.462.666
	<b>2.197.584.299</b>	<b>2.017.853.984</b>

#### 5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.358.865.987	5.709.588.664
Chi phí sửa chữa tài sản	3.445.775.124	1.205.316.714
Chi phí khác chờ phân bổ	11.662.021.997	3.363.959.181
	<b>19.466.663.108</b>	<b>10.278.864.559</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG  
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### 5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2020	279.041.657.078	179.712.737.307	41.093.290.528	1.147.226.118	500.994.911.031
Mua sắm trong năm	-	3.064.405.253	3.686.526.070	36.080.050	6.787.011.373
Tăng do XDCB hoàn thành	5.616.445.292	-	-	-	5.616.445.292
Thanh lý, nhượng bán	(71.813.514)	(226.000.000)	-	-	(297.813.514)
Tại ngày 31/12/2020	284.586.288.856	182.551.142.560	44.779.816.598	1.183.306.168	513.100.554.182
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2020	135.141.203.450	107.062.928.790	33.711.253.512	945.582.502	276.860.968.254
Khấu hao trong năm	11.583.888.711	7.271.195.052	4.121.915.540	147.248.152	23.124.247.455
Thanh lý, nhượng bán	(71.813.514)	(132.508.650)	-	-	(204.322.164)
Tại ngày 31/12/2020	146.653.278.647	114.201.615.192	37.833.169.052	1.092.830.654	299.780.893.545
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2020	143.900.453.628	72.649.808.517	7.382.037.016	201.643.616	224.133.942.777
Tại ngày 31/12/2020	137.933.010.209	68.349.527.368	6.946.647.546	90.475.514	213.319.660.637
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2020	3.621.343.910	529.544.730	1.114.589.679	427.046.297	5.692.524.616
Tại ngày 31/12/2020	3.692.503.291	1.431.430.526	385.428.842	73.585.200	5.582.947.859
Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:					
Tại ngày 01/01/2020	143.900.453.628	72.649.808.517	7.382.037.016	201.643.616	224.133.942.777
Tại ngày 31/12/2020	137.933.010.209	68.349.527.368	6.946.647.546	90.475.514	213.319.660.637

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2020	102.871.104.405	30.000.000	102.901.104.405
Mua trong năm	16.378.235.179	-	16.378.235.179
Tại ngày 31/12/2020	<u>119.249.339.584</u>	<u>30.000.000</u>	<u>119.279.339.584</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2020	2.707.937.318	30.000.000	2.737.937.318
Khấu hao trong năm	1.159.284.817	-	1.159.284.817
Tại ngày 31/12/2020	<u>3.867.222.135</u>	<u>30.000.000</u>	<u>3.897.222.135</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	100.163.167.087	-	100.163.167.087
Tại ngày 31/12/2020	<u>115.382.117.449</u>	<u>-</u>	<u>115.382.117.449</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2020	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2020	<u>-</u>	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>

Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Tại ngày 01/01/2020	100.163.167.087	-	100.163.167.087
Tại ngày 31/12/2020	<u>115.382.117.449</u>	<u>-</u>	<u>115.382.117.449</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG**  
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2020	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND	VND
Giá trị mua đất bờ sông	660.000.000	-	-	-	660.000.000
Giá trị xây dựng dở dang kho ngoại quan, siêu thị miễn thuế tại Hà Tiên	18.081.685.573	-	-	-	18.081.685.573
Chi phí xây dựng dở dang khác	16.203.311.894	17.776.993.190	(15.384.575.019)	(13.161.784.113)	5.433.945.952
	<b>34.944.997.467</b>	<b>17.776.993.190</b>	<b>(15.384.575.019)</b>	<b>(13.161.784.113)</b>	<b>24.175.631.525</b>

**5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020		01/01/2020		
	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>46.037.000.000</b>	<b>(24.766.528.654)</b>		<b>46.840.645.200</b>	<b>(22.793.423.140)</b>
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Kiên Giang	46.037.000.000	(24.766.528.654)	(*)	46.840.645.200	(22.793.423.140)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>76.882.451.690</b>	-		<b>84.992.861.690</b>	<b>(2.909.396.002)</b>
Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	-	-	(*)	8.110.410.000	(2.909.396.002)
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	19.568.463.690	-	(*)	19.568.463.690	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	3.752.088.000	-	(*)	3.752.088.000	-
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	53.561.900.000	-	(*)	53.561.900.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>11.673.949.011</b>	<b>(3.244.164.000)</b>		<b>8.429.785.011</b>	-
Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	3.244.164.000	(3.244.164.000)	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Phú Quốc	7.555.491.328	-	(*)	7.555.491.328	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Kiên Giang	502.277.763	-	(*)	502.277.763	-
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	343.070.000	-	(*)	343.070.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Sabeco Sông Hậu	28.945.920	-	(*)	28.945.920	-
	<b>134.593.400.701</b>	<b>(28.010.692.654)</b>		<b>140.263.291.901</b>	<b>(25.702.819.142)</b>

(\*) Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020 của các khoản đầu tư này.

**Công ty con:**

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Kiên Giang: kinh doanh thương mại và dịch vụ. Công ty sở hữu 4.901.700 cổ phần chiếm 98,03% vốn điều lệ.

**Công ty liên kết:**

- Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang: Sản xuất, xuất khẩu thủy sản đóng hộp. Công ty sở hữu 775.603 cổ phần chiếm 38,08% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị trường học: Kinh doanh thương mại sách và văn phòng phẩm. Công ty sở hữu 246.200 cổ phần chiếm 20% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang: Kinh doanh xăng dầu. Công ty góp vốn 49.000.000 VND chiếm 49% vốn điều lệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG  
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty Xăng Dầu Tây Nam Bộ	530.286	9.062.983.924
Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV	143.747.197	48.150.347.484
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Tân Thạnh An	5.593.191.525	25.440.041.155
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Long Hưng	27.494.820.590	24.573.433.680
Các nhà cung cấp khác	22.204.608.368	20.462.328.524
	<b>55.436.897.966</b>	<b>127.689.134.767</b>

### 5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinh Phát	11.668.477.800	11.668.477.800
Công ty Cổ phần Nông Lâm Sản Kiên Giang	19.315.252.483	19.315.252.483
Các khách hàng khác	4.706.186.323	13.084.243.876
	<b>35.689.916.606</b>	<b>44.067.974.159</b>

### 5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phát sinh trong năm		31/12/2020
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	884.328.626	-	884.328.626
Thuế tiêu thụ đặc biệt	168.501.054	-	-	168.501.054
Thuế thu nhập cá nhân	402.963.940	1.212.466.585	(1.081.979.301)	533.451.224
Thuế tài nguyên	100.000.000	8.032.080	(8.032.080)	100.000.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.758.955.358	(1.758.955.358)	-
Thuế khác	-	39.000.000	(39.000.000)	-
	<b>671.464.994</b>	<b>3.902.782.649</b>	<b>(2.887.966.739)</b>	<b>1.686.280.904</b>

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%, 5%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG  
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2020 VND	2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.486.068.013	32.486.343.008
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	703.892.132	1.147.864.707
- Các khoản điều chỉnh giảm	(33.768.317.016)	(33.634.207.715)
Thu nhập chịu thuế	4.421.643.129	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>884.328.626</b>	<b>-</b>

### 5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Trích trước chi phí khác	2.611.508.629	1.014.064.931

### 5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Các khoản phải trả Nhà nước về Cổ phần hóa	6.201.022.641	7.568.201.937
Công ty TNHH Thương Mại Kiên An Phú - Kiên Giang	1.840.915.227	1.840.915.227
Các khoản phải trả khác	2.868.275.659	4.360.369.040
	<b>10.910.213.527</b>	<b>13.769.486.204</b>

### 5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

#### 5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng BIDV	363.998.102.024	363.998.102.024	280.016.696.472	280.016.696.472
Ngân hàng Vietcombank	200.220.626.023	200.220.626.023	237.122.186.419	237.122.186.419
Ngân Hàng HDBank	40.574.832.180	40.574.832.180	31.858.945.690	31.858.945.690
Ngân Hàng VPBank	-	-	16.617.502.170	16.617.502.170
Ngân hàng LienVietPostBank	11.527.749.000	11.527.749.000	-	-
Ngân hàng Maritime Bank	10.099.245.000	10.099.245.000	-	-
Ngân hàng VIBBank	7.536.750.000	7.536.750.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	4.400.000.000	4.400.000.000	2.344.000.000	2.344.000.000
	<b>638.357.304.227</b>	<b>638.357.304.227</b>	<b>567.959.330.751</b>	<b>567.959.330.751</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết số dư khoản vay và nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Hạn mức	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	31/12/2020 VND
Ngân hàng BIDV	400.000.000.000	4 tháng	3,90 - 6,00	363.998.102.024
Ngân hàng Vietcombank	450.000.000.000	3 tháng - 6 tháng	3,30 - 6,30	200.220.626.023
Ngân Hàng HDBank	70.000.000.000	3 tháng	8,45	40.574.832.180
Ngân hàng LienVietPostBank	100.000.000.000	3 tháng	3,60	11.527.749.000
Ngân hàng Maritime Bank	20.000.000.000	4 tháng	4,00	10.099.245.000
Ngân hàng VIBBank	50.000.000.000	4 tháng	4,00	7.536.750.000
Vay dài hạn đến hạn trả			10,00	4.400.000.000
				<b>638.357.304.227</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	565.615.330.751	2.344.000.000	567.959.330.751
Số tiền vay phát sinh trong năm	3.818.518.768.735	-	3.818.518.768.735
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	4.400.000.000	4.400.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(3.750.176.795.259)	(2.344.000.000)	(3.752.520.795.259)
Tại ngày 31/12/2020	<b>633.957.304.227</b>	<b>4.400.000.000</b>	<b>638.357.304.227</b>

**5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ngân hàng	8.000.000.000	8.000.000.000	14.690.900.000	14.690.900.000

Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Giá trị VND
Ngân hàng Vietcombank	Đầu tư góp vốn đầu tư	7 năm	10	8.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG  
 Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	14.690.900.000	14.690.900.000
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.290.900.000)	(2.290.900.000)
Tại ngày 31/12/2020	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2020			
Vay ngân hàng	12.400.000.000	4.400.000.000	8.000.000.000
Tại ngày 01/01/2020			
Vay ngân hàng	17.034.900.000	2.344.000.000	14.690.900.000
Nợ dài hạn	-	-	-
	<b>17.034.900.000</b>	<b>2.344.000.000</b>	<b>14.690.900.000</b>

**5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	2020 VND	2019 VND
Tại ngày 01 tháng 01	324.541.121	2.628.820.014
Trích lập quỹ	7.381.762.102	10.367.534.086
Chi quỹ trong năm	(7.474.489.336)	(12.671.812.979)
Tại ngày 31 tháng 12	<b>231.813.887</b>	<b>324.541.121</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG  
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.19 Vốn chủ sở hữu**

**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	364.738.330.000	14.696.787.553	53.489.599.958	432.924.717.511
Lãi trong năm 2019	-	-	32.486.343.008	32.486.343.008
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.367.534.088)	(10.367.534.088)
Trích lập quỹ	-	3.437.132.113	(3.437.132.113)	-
Chia cổ tức	-	-	(36.657.566.489)	(36.657.566.489)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>364.738.330.000</b>	<b>18.133.919.666</b>	<b>35.513.710.276</b>	<b>418.385.959.942</b>
Tại ngày 01/01/2020	364.738.330.000	18.133.919.666	35.513.710.276	418.385.959.942
Lãi trong năm 2020	-	-	36.601.739.387	36.601.739.387
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.188.862.101)	(7.188.862.101)
Trích lập quỹ	-	3.248.634.301	(3.248.634.301)	-
Ghi nhận theo Quyết toán vốn Nhà Nước (*)	-	(13.887.527.206)	414.769.487	(13.472.757.719)
Chia cổ tức	-	-	(21.884.299.800)	(21.884.299.800)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>364.738.330.000</b>	<b>7.495.026.761</b>	<b>40.208.422.948</b>	<b>412.441.779.709</b>

(\*) Trong năm, Công ty ghi nhận giảm quỹ đầu tư phát triển theo Quyết định số 1006/QĐ-UBND tỉnh Kiên Giang ngày 23 tháng 04 năm 2020 về việc Quyết toán giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa.

**5.19.2 Chi tiết vốn góp của các cổ đông**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp Nhà Nước	178.865.780.000	49,04%	178.865.780.000	49,04%
Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV	91.184.590.000	25,00%	91.184.590.000	25,00%
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	50.839.130.000	13,94%	50.839.130.000	13,94%
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Kiên Giang	36.473.830.000	10,00%	36.473.830.000	10,00%
Các cổ đông khác	7.375.000.000	2,02%	7.375.000.000	2,02%
	<b>364.738.330.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>364.738.330.000</b>	<b>100,00%</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.473.833	36.473.833
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	36.473.833	36.473.833
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<b>36.473.833</b>	<b>36.473.833</b>
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	36.473.833	36.473.833
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<b>36.473.833</b>	<b>36.473.833</b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

### 5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2020	01/01/2020
- Đô la Mỹ (USD)	2.056.852,07	925.992,94

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Tổng doanh thu

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	5.382.243.777.818	6.235.346.704.136
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.313.018.064	1.133.653.962
	<b>5.383.556.795.882</b>	<b>6.236.480.358.098</b>

Các phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh 9.2.

##### 6.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2020 VND	2019 VND
Giảm giá hàng bán	153.910.547	833.493.389

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn hàng bán	5.148.700.985.180	6.018.480.283.760

#### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi, lãi ký quỹ	27.861.389	841.660.714
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.470.867.840	12.889.984.175
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.894.366.011	9.110.183.886
Doanh thu hoạt động tài chính khác	271.270.006	367.901.000
	<b>24.664.365.246</b>	<b>23.209.729.775</b>

#### 6.4 Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	22.382.456.522	22.665.667.123
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.455.642.451	4.229.658.803
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	631.867.193	292.131.180
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	5.932.119.512	4.044.358.600
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	132.065.443
	<b>39.402.085.678</b>	<b>31.363.881.149</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 6.5 Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	24.140.110.156	20.631.084.377
Chi phí vận chuyển bốc xếp	17.367.015.241	22.448.847.293
Chi phí xuất khẩu	69.419.957.719	68.363.519.771
Chi phí bán hàng khác	30.480.050.038	31.190.718.822
	<b>141.407.133.154</b>	<b>142.634.170.263</b>

### 6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	22.876.261.379	16.941.430.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.293.354.335	3.859.879.095
Chi phí quản lý khác	13.770.333.887	13.459.498.221
	<b>40.939.949.601</b>	<b>34.260.807.817</b>

### 6.7 Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Thu tiền hỗ trợ, tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	895.664.845	135.460.425
Thu nhập khác	443.339.771	894.403.469
	<b>1.339.004.616</b>	<b>1.029.863.894</b>

### 6.8 Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	93.491.350	698.735
Trong đó:		
<i>Giá trị còn lại của tài sản thanh lý</i>	<i>93.491.350</i>	<i>4.789.644</i>
<i>Giá trị thu hồi thanh lý tài sản cố định</i>	<i>-</i>	<i>(4.090.909)</i>
Chi phí bồi thường hợp đồng	-	344.000.000
Chi phí khác	1.376.542.221	316.273.646
	<b>1.470.033.571</b>	<b>660.972.381</b>

### 6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.466.808.521.076	1.559.815.923.720
Chi phí nhân công	83.889.007.487	82.487.308.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.283.532.272	25.104.733.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.833.562.742	112.287.783.575
Chi phí khác	27.413.341.065	38.580.593.424
	<b>1.718.227.964.642</b>	<b>1.818.276.342.087</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 7.1 Tiền thu từ đi vay

	2020 VND	2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.818.052.160.235	4.996.399.809.028

### 7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2020 VND	2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.754.811.695.259	5.053.412.185.314

## 8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

### i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**ii Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>			
Các khoản vay và nợ	638.357.304.227	8.000.000.000	646.357.304.227
Phải trả người bán	55.436.897.966	-	55.436.897.966
Phải trả khác và chi phí phải trả	13.521.722.156	-	13.521.722.156
	<b>707.315.924.349</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>715.315.924.349</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2020</b>			
Các khoản vay và nợ	567.959.330.751	14.690.900.000	582.650.230.751
Phải trả người bán	127.689.134.767	-	127.689.134.767
Phải trả khác và chi phí phải trả	14.783.551.135	-	14.783.551.135
	<b>710.432.016.653</b>	<b>14.690.900.000</b>	<b>725.122.916.653</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG  
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 (xem tại thuyết minh 5.8 và 5.9).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	120.359.480.074	138.665.257.766	120.359.480.074	138.665.257.766
Các khoản phải thu khác	15.053.425.311	24.587.661.969	15.053.425.311	24.587.661.969
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.673.949.011	8.429.785.011	11.673.949.011	8.429.785.011
Tiền	83.455.288.551	87.996.900.045	83.455.288.551	87.996.900.045
	<b>230.542.142.947</b>	<b>259.679.604.791</b>	<b>230.542.142.947</b>	<b>259.679.604.791</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	646.357.304.227	582.650.230.751	646.357.304.227	582.650.230.751
Phải trả người bán	55.436.897.966	127.689.134.767	55.436.897.966	127.689.134.767
Phải trả khác	13.521.722.156	14.783.551.135	13.521.722.156	14.783.551.135
	<b>715.315.924.349</b>	<b>725.122.916.653</b>	<b>715.315.924.349</b>	<b>725.122.916.653</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2020 VND	2019 VND
Tiền lương và thưởng	4.949.003.664	4.815.604.022

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG  
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kiên Giang	Mua hàng/dịch vụ	48.698.830.554	1.583.902.729
	Bán hàng/dịch vụ	-	353.818.092
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	Mua hàng/dịch vụ	173.984.771.051	678.915.361.731
Công ty Xăng Dầu Khu Vực II	Mua hàng/dịch vụ	432.633.419.047	965.880.338.155
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	Nhận cổ tức	-	5.739.462.200
Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị trường học	Nhận cổ tức	492.400.000	492.400.000
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Nhận cổ tức	2.940.000.000	5.647.639.553

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kiên Giang	Phải thu khác	10.433.943.339	10.433.943.339
	Trả trước người bán	1.945.600.000	2.060.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	Phải thu cổ tức	-	2.869.731.100
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Phải thu cổ tức	-	2.940.000.000
<b>Phải trả các bên liên quan</b>			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	Phải trả mua hàng	530.286	9.062.983.924
Công ty Xăng Dầu Khu Vực II	Phải trả mua hàng	143.747.197	48.150.347.484

### 9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

#### Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

#### Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.



95  
TY  
AN  
VAM  
HIN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

2020	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	2.728.496.210.896	2.654.906.674.439	5.383.402.885.335
Chi phí phân bổ	(2.609.541.107.794)	(2.539.159.877.386)	(5.148.700.985.180)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>118.955.103.102</b>	<b>115.746.797.053</b>	<b>234.701.900.155</b>
Chi phí không phân bổ			(182.347.082.755)
Doanh thu hoạt động tài chính			24.664.365.246
Chi phí hoạt động tài chính			(39.402.085.678)
Thu nhập khác			1.339.004.616
Chi phí khác			(1.470.033.571)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>37.486.068.013</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(884.328.626)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>36.601.739.387</b>
<b>Vào ngày 31/12/2020</b>			
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tài sản của bộ phận	88.367.239.256	31.992.240.818	120.359.480.074
Tài sản không phân bổ			1.063.549.468.152
<b>Tổng tài sản</b>			<b>1.183.908.948.226</b>
Nợ phải trả không phân bổ			771.467.168.517
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>771.467.168.517</b>
<b>2019</b>			
Doanh thu thuần	2.354.474.964.902	3.881.171.899.807	6.235.646.864.709
Chi phí phân bổ	(2.272.476.530.874)	(3.746.003.752.886)	(6.018.480.283.760)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>81.998.434.028</b>	<b>135.168.146.921</b>	<b>217.166.580.949</b>
Chi phí không phân bổ			(176.894.978.080)
Doanh thu hoạt động tài chính			23.209.729.775
Chi phí hoạt động tài chính			(31.363.881.149)
Thu nhập khác			1.029.863.894
Chi phí khác			(660.972.381)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>32.486.343.008</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>32.486.343.008</b>
<b>Vào ngày 31/12/2019</b>			
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tài sản của bộ phận	101.839.102.043	36.826.155.723	138.665.257.766
Tài sản không phân bổ			1.060.546.478.125
<b>Tổng tài sản</b>			<b>1.199.211.735.891</b>
Nợ phải trả không phân bổ			780.825.775.949
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>780.825.775.949</b>



#### 9.4 Thông tin hoạt động liên tục

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 58.485.001.057 VND do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

#### 9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**HUỖNH KIM OANH**  
Người lập biểu

**LÊ THỊ THUỖY**  
Kế toán trưởng



**PHẠM VĂN HOÀNG**  
Tổng Giám đốc  
Kiên Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2021